

Bản án số: 51/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 25-8 - 2023

"V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Thiệu.

2. Ông Đinh Ngọc Phú.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2023/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1989. ĐKKHKT: Khu V, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Khu V, phường Á, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị N có đơn xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Lê Thị Bích N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện ĐKKH tại UBND phường Á, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 11 tháng 6 năm 2015. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với gia đình nhà chồng, do kinh tế khó khăn nên anh T đi lao động tại Đài Loan còn chị làm Công ty. Vợ chồng hạnh phúc khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm tới chị, nên tháng 3/2022 chị đã về nhà bố mẹ chị để ở, tháng 4/2023 anh T về nước có tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh T nên không quay về, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly

hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con là Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/11/2014; hiện nay con đang ở với chị, ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị N trình bày, vợ chồng hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi anh vắng nhà chị N sống không chung thủy với anh, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh có sang tìm gọi chị N về để chung sống, nhưng chị N không về. Nay chị N xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có một con như chị N trình bày là đúng, ly hôn nguyện vọng chị N muốn được tiếp tục nuôi con. Anh đồng ý để cho chị N nuôi con, chị N không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý.

Nguyện vọng của con Nguyễn Tường V muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và đề nghị được tiếp tục nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2, HĐXX đã căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị N, anh T. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Bích N, đề nghị xử cho chị Lê Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Xử giao cho chị Lê Thị Bích N tiếp tục trông nom, chăm giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/11/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là chị Lê Thị Bích N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt lần 2 không có lý do. Nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã nơi anh T sinh sống đăng ký kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Chị N khởi kiện xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn, việc nhất trí ly hôn của anh T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên HĐXX căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lê Thị Bích N ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị N, anh T đều thống nhất quan điểm để chị N tiếp tục nuôi con là Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/11/2014, nguyện vọng của con cũng muốn ở với chị N. Nên HĐXX giao cho chị Nguyễn tiếp tục nuôi con Nguyễn Tường V cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không phải thực nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Điều đó hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Như vậy là phù hợp các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về quyền yêu cầu chia tài sản chung, anh T đề nghị chị N phải trả cho anh tiền khi ở Đài Loan có gửi tiền về. Nhưng anh T không có đơn trình bày về vấn đề này, cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh T có đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N. Xử cho chị Lê Thị Bích N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Lê Thị Bích N tiếp tục trông nom, chăm giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Tường V, sinh ngày 29/11/2014 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị N, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0002756 ngày 12/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (Chị N nộp biên lai cho Tòa án ngày 17/4/2023).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Ái Quốc;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Văn Tú